

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI CƠ GIỚI BÌNH ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI CƠ GIỚI BÌNH ĐỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101646534

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô số 02 đường Trần Văn Dững khu Bắc Hà Thanh, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4741        |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                              | 4931(Chính) |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                 | 4932        |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                   | 4933        |
| 5.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                            | 5021        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                              | 5022        |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa.                                    | 5210        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                         | 5221        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>(Trừ kinh doanh bến ô tô, hoá lỏng khí để vận chuyển) | 5225        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                              | 5229        |
| 11. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản phẩm)                                                                         | 5820        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                            | 6201        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                              | 6202        |
| 14. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm                             | 6622        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                           | 7020        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                        | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ dịch vụ điều tra thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                  | 7320 |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                             | 7730 |
| 20. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 21. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                      | 7912 |
| 22. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                        | 7990 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                | 8230 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tấc ký; Dịch vụ lấy lại tài sản; Máy thu tiền xu đỗ xe; Hoạt động đấu giá độc lập; Quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ.) | 8299 |
| 25. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                      | 1811 |
| 26. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp. Khắc dấu, kinh doanh thiết bị ngành con dấu và công cụ hỗ trợ.                                                                          | 1812 |
| 27. | Sao chép bản ghi các loại<br>Chi tiết: Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.                                                                                                                                     | 1820 |
| 28. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.                                                                                                                                                             | 3312 |
| 29. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                  | 3315 |
| 30. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                        | 4511 |
| 31. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                | 4512 |
| 32. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                          | 4513 |
| 33. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                             | 4520 |
| 34. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                         | 4530 |
| 35. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                      | 4543 |
| 36. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 37. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 38. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 39. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn nhớt, mỡ bôi trơn và khí dầu mỏ hóa lỏng                                                                                                                | 4661 |

|     |                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bôi trơn | 4730 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>HUY HOÀNG | Thôn Phú Hưng,<br>Xã Bình Tân,<br>Huyện Tây Sơn,<br>Tỉnh Bình Định,<br>Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 315.000       | 3.150.000.000            | 35,000       | 0520920004<br>52                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Tổng số                            | 315.000       | 3.150.000.000            | 35,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THANH<br>TUẤN  | 162/30 Nguyễn<br>Văn Lượng,<br>Phường 17, Quận<br>Gò Vấp, Thành<br>phố Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 405.000       | 4.050.000.000            | 45,000       | 0310840003<br>79                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 | Tổng số                            | 405.000       | 4.050.000.000            | 45,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                           |                                    |         |               |        |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>TUẤN DŨNG | 32/51 Lê Thị<br>Hồng, Phường 17,<br>Quận Gò Vấp,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  | 0790840202<br>48 |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                           | Tổng số                            | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: TRẦN THANH TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/10/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031084000379

Ngày cấp: 27/08/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đại Trang, Xã Bát Trang, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: 162/30 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định